

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 428/2025/DS-ST
Ngày 29 – 12 – 2025
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Minh Hoàng
- Ông Nguyễn Minh Tron

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 468/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phan Thị m, sinh năm 1982; Căn cước công dân số 096182002024, cấp ngày 25/4/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 2, xã C, tỉnh Cà Mau.

1.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980; Căn cước công dân số 096080001711, cấp ngày 22/8/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 2, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1980; Căn cước công dân số 096180007527, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp L, xã Phú T, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị M theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2025 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tô Minh Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp 1, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Bà Ngô Hồng X, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp 1, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, vợ chồng bà Ngô Hồng X, ông Tô Minh Đ có tham gia các dây hụi do vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị M làm chủ, cụ thể:

Ngày 15/9/2022 âm lịch (viết tắt AL), vợ chồng bà M mở dây hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi có 48 chân, vợ chồng bà X tham gia chơi hai chân. Quá trình chơi hụi, vợ chồng bà X đã lĩnh hụi ở kỳ thứ hai (nhằm ngày 15/10/2022) và kỳ thứ 11 (nhằm ngày 29/4/2024). Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà X đóng hụi chết đến tháng 11/2024 (AL) thì ngưng cho đến nay. Trong dây hụi này, tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà X còn nợ mỗi chân hụi 20 kỳ hụi chết, hai chân hụi nợ 40 kỳ hụi chết với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng bà X chỉ mới trả được số tiền hụi chết là 10.000.000 đồng vào ngày 04/5/2025 nên số tiền vợ chồng bà X còn nợ lại trong dây hụi này là 110.000.000 đồng.

Ngày 29/6/2023 (AL), vợ chồng bà M tiếp tục mở dây hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 29 hàng tháng, dây hụi có 52 chân, vợ chồng bà X tham gia chơi hai chân. Quá trình chơi hụi, vợ chồng bà X đã lĩnh hụi ở kỳ thứ tám (nhằm ngày 29/01/2024) và kỳ thứ 11 (nhằm ngày 18/8/2024). Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà X đóng hụi chết đến tháng 11/2024 (AL) thì ngưng cho đến nay. Trong dây hụi này, tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà X còn nợ mỗi chân 36 kỳ hụi chết, hai chân hụi nợ 72 kỳ hụi chết với tổng số tiền còn nợ lại trong dây hụi này là 216.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng bà X còn nợ là 326.000.000 đồng, nên vợ chồng bà M yêu cầu vợ chồng bà X trả số tiền nợ hụi trên. Ngoài ra, vợ chồng bà M không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Tô Minh Đ, bà Ngô Hồng X (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị M (nguyên đơn), riêng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, riêng nguyên đơn đã có lời khai và xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, bị đơn đã lĩnh hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở các dây hội vào ngày 15/9/2022 (AL), ngày 29/6/2023 (AL) giữa các đương sự, tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hội viên. Trong danh sách hội viên có thể hiện cụ thể nội dung thỏa thuận về hội gồm: Thời gian mở hội, thời gian khai hội, loại hội, số hội viên tham gia, số chân hội bị đơn tham gia trong các dây hội và mỗi lần lĩnh hội, nguyên đơn đã giao đủ số tiền lĩnh hội cho bị đơn, được bị đơn ký nhận. Mặc dù, bị đơn vắng mặt không có lý do và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn song Tòa án đã ban hành thông báo số: 104/TB-TA ngày 01/12/2025 về việc nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng đến nay, bị đơn vẫn không cung cấp là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào danh sách hội viên, giấy lĩnh tiền hội có ký nhận của bị đơn có đủ cơ sở xác định việc bị đơn có tham gia giao dịch hội với nguyên đơn và hiện còn nợ lại tiền hội chết của nguyên đơn là sự thật. Tuy các dây hội, bị đơn tham gia đến nay chưa mãn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ góp hội sau khi đã lĩnh hội nên nguyên đơn yêu cầu trả tiền hội tính đến khi mãn hội là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ, tuy tại thời điểm giao dịch hội chỉ có bà Ngô Hồng X (bị đơn) trực tiếp tham gia giao dịch hội với nguyên đơn nhưng từ khi các đương sự xác lập giao dịch hội cho đến nay giữa bà Xuyên cùng ông Tô Minh Đ vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng mà chưa có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết cho ly hôn. Hơn nữa, ông Đ cùng bà X cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng có thỏa thuận bằng văn bản về việc làm ăn, kinh doanh riêng và chịu trách nhiệm riêng đối với tài sản được tạo lập do làm ăn riêng, kinh doanh riêng mà có được nên khoản nợ này được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông Đ cùng bà X phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền hội còn nợ nêu trên cho nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị M.

Buộc ông Tô Minh Đ, bà Ngô Hồng X cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị M số tiền là 326.000.000 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày ông B, bà M có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đ cùng bà X không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Tô Minh Đ và bà Ngô Hồng X phải nộp số tiền là 16.300.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị M không phải nộp. Ngày 29/10/2025, ông B cùng bà M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 8.150.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003484 được trả lại toàn bộ cho ông B, bà M.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân